

**CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
XÂY DỰNG ĐẠI PHONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2603-7/2026/CV-ĐP
(Vv: Công bố năng lực đủ điều kiện
hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 04 năm 2026

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN
ĐẾN Ngày: 24/10/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi:

- Sở xây dựng tỉnh Thái Nguyên
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát, Nhà thầu thi công; Các tổ chức, Cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số: 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ văn bản số: 865/SXD-QLCHĐXD về việc thực hiện quy định về phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính Phủ.

Căn cứ quyết định: 101/2026/ĐP-QĐ về việc công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Đại Phong thực hiện quy định về phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính Phủ.

Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty.

Công ty CP tư vấn thiết kế xây dựng Đại Phong công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

I. Thông tin Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐẠI PHONG

- Mã số doanh nghiệp: 0107924935
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 272 đường Thụy Khuê, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0902.398.999
- Email: info@dpjsc.vn
- Website: <https://dpjsc.vn>
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn Dũng
- Chức danh: Tổng Giám Đốc

2. Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm kiểm định công trình.

- Địa chỉ: Số 51, đường Đồng Cổ, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.
- Trưởng phòng: Phạm Đình Đức
- Điện thoại: 0828.054.339
- Email: pham.dinh.duc@dpjsc.vn

3. Trạm thí nghiệm hiện trường:

- Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm: Thôn 62, Xã Thanh Thịnh, tỉnh Thái Nguyên
Trưởng Trạm: **Đoàn Chiến Thắng**

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự
I	Thử nghiệm cơ lý của xi măng			
1	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009, EN 196-7:2008		Đoàn Chiến Thắng, Nguyễn Đình Thành, Hà Văn Xuyên, Nguyễn Minh Tiến
2	Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023; ASTM C188; AASHTO T128, T133, T153, T192	Sàng (kích thước 0,09; 0,08; 0,045mm); Cân điện tử; tủ sấy; Bình khối lượng riêng cổ cao; Bể điều nhiệt, đồng hồ bấm giây, cọ quét, khay đựng mẫu sấy,...	
3	Xác định độ bền uốn, nén	TCVN 6016:2011; AASHTO T106; ASTM C109; BS EN 196;	Máy nén; Gá thử nén; Gá thử độ bền uốn.	
4	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; AASHTO T131; ASTM C187, C191; BS EN 196	Máy trộn vữa; Bộ dụng cụ Vicat bao gồm kim xuyên độ dẻo tiêu chuẩn (10;00 ± 0;05) mm; Kim xuyên bắt đầu đông kết (1;13 ± 0;05) mm; Kim xuyên kết thúc đông kết có gắn sẵn vòng nhỏ có đường kính khoảng 5 mm (chảo trộn; bay trộn hồ; Cân điện tử; ống đồng; Đồng hồ bấm giây; Dao thép.	
II	Hỗn hợp bê tông nặng			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự	
5	Lấy mẫu, lựa chọn thành phần cấp phối, chế tạo và bảo dưỡng mẫu BT	TCVN 3105:2022; ASTM C42/C42M-2020; ASTM C31/C31M-25a; ACI 211-22; BS EN 12350-1:2019	Khuôn đúc mẫu; Bộ côn thử độ sụt + tấm đế; thước lá kim loại dài 30cm; Búa cao su; Dao gạt mẫu dài 200mm; Máy trộn bê tông; cân kỹ thuật,...	Đoàn Chiến Thắng, Nguyễn Đình Thành, Hà Văn Xuyên, Nguyễn Minh Tiến	
6	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; AASHTO T119; ASTM C143	Côn thử độ sụt + tấm đế; Que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn; Phễu đổ hỗn hợp; Thước lá kim loại dài 300mm; Đồng hồ bấm giây.		
7	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993; ASTM D2850-3a, D4767-3a; BS 1377	Cân kỹ thuật; Sàng tiêu chuẩn 5mm; 1.25mm; 0.15mm; Tủ sấy; Bay; Xèng xúc mẫu,...		
8	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642; ASTM C1585	Cân điện tử; Thùng ngâm mẫu; tủ sấy; Khăn lau; Bàn chải; Đá mài,...		
9	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022; ASTM C138, C642; AASHTO T121	Thùng kim loại 5; 15l; Que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn; Cân kỹ thuật; Dao thép gạt mẫu; Búa cao su,...		
10	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140, T42; EN 12390-3;	Máy nén TYA 2000kN; Thước lá kim loại; Đệm truyền tải,...		
11	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	TCVN 7572-15:2006; ASTM C1064/C1064M-2023; AASHTO T309-2022	Nhiệt kế điện tử		
III	Vật liệu: Cát, đá, dăm sỏi, cấp phối				

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự
12	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006		Đoàn Chiến Thắng, Nguyễn Đình Thành, Hà Văn Xuyên, Nguyễn Minh Tiến
13	Xác định lượng vật liệu nhỏ hơn 0,075mm bằng phương pháp rửa	AASHTO T11; TCVN 14135-4:2024	Cân điện tử; Sàng 0,075mm	
14	Độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	Thùng đong; phễu; giá đỡ; tấm kính; khay; dao gạt bằng thép; Cân kỹ thuật, tủ sấy,...	
15	Xác định thành phần hạt	TB 10102-2023; TCVN 7572-2:2006; TCVN14135-5:2024; ASTM C136, D346; AASHTO T27; T30; T37; EN 933-1:2012; JIS A1102:2014	Cân kỹ thuật; Bộ sàng tiêu chuẩn; Tủ sấy; Búa cao su; Cọ quét; Giá xúc mẫu; Dụng cụ chia mẫu,...	
16	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TB 10115-2023; TCVN 7572-4:2006; EN 1097-6; ASTM C127, C128; AASHTO T84, T85	Bình khối lượng riêng; Cân kỹ thuật; bình hút âm; Tủ sấy; Bếp cách cát hoặc cách thủy; Chày cối mã nã; Thùng ngâm mẫu; Giấy thấm nước; Côn thử độ ẩm cốt liệu; máy sấy tóc; Que chọc thủy tinh; Sàng kích thước 5mm và 0.14mm,...	
17	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TB 10102-2023; TB 10115-2023; TCVN 7572-7:2006; EN 1097-6; ASTM C127; AASHTO T85	Bình khối lượng riêng; Cân kỹ thuật; Giỏ cân trong nước; Thùng chứa nước để cân trong nước; Thùng ngâm mẫu; Khăn thấm nước; Thước kẹp; Bàn chải sắt; Tủ sấy,...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự
18	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29; AASHTO T19; BS EN 1097-3,4	Thùng đong 1l; 2l; 5l; 10l; 20l; Cân kỹ thuật; Phễu chứa mẫu; Bộ sàng tiêu chuẩn; Tủ sấy; Thước lá kim loại; Thước gạt mẫu dài 300mm; Sàng kích thước 5mm,...	
19	Xác định độ ẩm	TB 10102-2023; TB 10115-2023; TCVN 7572-7:2006; ASTM C70, C566; AASHTO T255; BS EN 1097-5	Cân kỹ thuật 15kg; Tủ sấy; Thìa hoặc dao dùng để đảo mẫu; Hộp ẩm đựng mẫu,...	
20	Xác định hàm lượng bụi, bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TB 10102-2023; TB 10115-2023; TCVN 7572-8:2006; ASTM C117, C142; AASHTO T11, T21, T71, T112; EN 9334-1;	Cân kỹ thuật 15kg; Tủ sấy; Thùng rửa mẫu; Đồng hồ bấm giây; Que khuấy mẫu kim loại,...	
21	Xác định tạp chất hữu cơ	TB 10102-2023; TCVN 7572-9:2006; ASTM C40; AASHTO T21	Bản màu chuẩn so sánh; Ống dung tích loại 500ml; 1000ml; Cân kỹ thuật; Sàng 5mm; 20mm,...	
22	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TB 10115-2023; TCVN 7572-10:2006	Máy nén TYA-2000kN; Máy khoan và cắt đá; Thước kẹp điện tử; Thùng ngâm mẫu,...	
23	Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TB 10115-2023; TCVN 7572-11:2006	Máy nén TYA-2000kN; Xi lanh bằng thép đk 75mm; 150mm; Cân kỹ thuật; Sàng tiêu chuẩn 5mm; 2.5mm; 1; 25mm; Tủ sấy; Thùng ngâm mẫu,...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự	
24	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los-Angeles	TB 10102-2023; TB 10115-2023; TCVN 7572-12:2006; EN 1092-2; ASTM C131, C535; JIS A1121; AASHTO T98, T327	Cân kỹ thuật ; sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm; Tủ sấy; Máy quay mài mòn Los Angeles; 11-12 bi thép,...		
25	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TB 10102-2023; TB 10115-2023; TCVN 7572-13:2006; EN 933-3,4,5; ASTM D479; AASHTO T335	Cân kỹ thuật; Bộ sàng tiêu chuẩn; Thước kẹp; Tủ sấy,...		
26	Hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu	TCVN 7572-8:2006; AASHTO T112, ASTM C142	Cân kỹ thuật, khay đựng mẫu, sàng, tủ sấy,...		
27	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén một trục trong phòng thí nghiệm	TB 10115-2023; TCVN 10324:2014; ASTM D5731-16	Máy nén TYA-2000kN; Máy khoan và cắt đá; Thước kẹp điện tử; Thùng ngâm mẫu,...		
28	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TB 10102-2023; TCVN 7572-17:2006; ASTM C142; AASHTO T112	Cân kỹ thuật; Thước kẹp; bộ sàng tiêu chuẩn; Tủ sấy; Kim sắt và nhôm; Búa con,...		
29	Xác định hệ số đưng lượng cát (ES)	TB 10102-2023; AASHTO T176; TCVN14134-5:2024	Ống đong 1000ml; Tải 1kg; Bộ sàng tiêu chuẩn; Cân kỹ thuật; que thủy tinh; Tủ sấy,...		
IV	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng				
30	Chuẩn bị khô mẫu đất	TCVN 14134-1:2024			Đoàn Chiến Thắng, Nguyễn Đình Thành, Hà Văn Xuyên, Nguyễn Minh Tiến
31	Chuẩn bị ướt mẫu đất	TCVN 14134-2:2024			
32	Xác định khối lượng riêng	TB 10102-2023; TCVN 4195:2012; AASHTO T100; ASTM D854	Cân kỹ thuật; Bình tỷ trọng; Cối chày sứ (đồng); Rây 2mm; Tủ sấy; Thiết bị ổn nhiệt ; hộp nhôm có nắp; khăn giấy lau ; Tỷ		



TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự
			trọng kế; Bếp cách cát,...	
33	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TB 10102-2023; TCVN 4196:2012; ASTM D2216; AASHTO T217, T265	Cân kỹ thuật; Bình hút ẩm; hộp ẩm; tủ sấy đến 300°C/10C; cối chày sứ (đồng); rây 1mm; tủ sấy; cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp),...	
34	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TB 10102-2023; TCVN 4197:2012; AASHTO T89, T90; ASTM D4318; TCVN14134-4:2024	Dụng cụ Casagrande; Bộ chày Vasiliep, tấm kính nhám; rây (1mm); cối và chày sứ có đầu bọc cao su; bình thủy tinh có nắp; Cân điện tử sai số 0,01g; tủ sấy, dao để trộn,...	
35	Xác định thành phần cỡ hạt	TB 10102-2023; TCVN 4198:2014; ASTM C136, C117; AASHTO T88, T27; TCVN 14134-3:2024	Cân kỹ thuật; bộ rây (10; 5; 2; 1;05; 025; 0;1mm); cối và chày sứ có đầu bọc cao su; tủ sấy; hộp đựng hạt, quả lê cao su, dao con, bình hút ẩm; tỷ trọng kế; ống đong 1000ml; nhiệt kế; que khuấy; đồng hồ bấm giây, vòi rửa, nhiệt kế thủy tinh,...	
36	Đầm nén Proctor, Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TB 10102-2023; TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; AASHTO T99, T180	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn 2.5kg; 4.54kg, cối nhỏ D101.6, D152.4; cân kỹ thuật 30kg; Cân kỹ thuật 15kg; Sàng (19;4;75mm); Bình phun nước; Tủ sấy; Hộp nhôm, bay trộn sàng tiêu	

07
CỘ
CỔ
'ÁN
:ÁY
AI
4 P

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự
			chuẩn 19mm, 4.75mm,...	
37	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)	TB 10102-2023; TCVN 12792:2020; ASTM D1883; AASHTO T180, T193	Máy nén CBR; Phạm vi đo: 0-50KN; Khuôn CBR + tấm gia tải; Đồng hồ so đo trương nở; Bộ cối chày đầm CBR; dao gạt mẫu; búa cao su; hộp đựng ẩm; bình xịt ẩm; tủ sấy; Cân kỹ thuật; Sàng tiêu chuẩn (50; 19; 4.75mm); Hộp đựng ẩm,...	
38	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TB 10102-2023; TB 10115-2023; TCVN 8719:2012; ASTM D4546, D4829	Thiết bị xác định đặc trưng trương nở của đất	
39	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012; ASTM D2974; AASHTO T267, T194	Cân điện tử sai số 0,01g; Tủ sấy; Lò nung; Búa; cối chày; Bình định mức, rây 2mm, hộp nhôm có nắp,...	
40	Hàm lượng muối hòa tan	Phụ lục D TCVN 9436:2012	Tủ sấy, chén sứ, cân điện tử sai số 0,01g	
41	Thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011;	Máy nén TYA-2000kN; Bộ gá ép chẻ; Thước kẹp điện tử,...	
V	Kiểm tra thép xây dựng, lớp phủ kim loại, cáp thép, bulông, vít, vít cây, đai ốc			
42	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; TCVN 314:2008; ASTM A370, ASTM A36/A240/A572/A588/A709; AASHTO T68; JIS Z2241	Máy thử kéo – nén 1000KN; thiết bị gia công thép; Ngàm kẹp kéo; Dụng cụ đo vạch gián dài; Cân kỹ thuật 15kg; Thước thép 500mm,...	Đoàn Chiến Thắng, Nguyễn Đình Thành, Hà Văn Xuyên, Nguyễn Minh Tiến

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự
43	Thử uốn và uốn lại	TCVN 198:2008; TCVN 5891:2008; ASTM A370; JIS Z2248	Máy thử kéo – nén 1000KN; Thiết bị gia công thép; Thước thép 500mm; Gối uốn,...	
44	Thép cốt bê tông và bê tông dự ứng lực: Xác định kích thước hình học, độ bền kéo, uốn và uốn lại	TCVN 7937- 1,2:2013; ASTM A1061; TCVN 197:2014; TCVN 198:2008	Máy thử kéo – nén 1000KN; Ngàm kẹp kéo; Dụng cụ đo vạch gián dài; Cân kỹ thuật; Thước thép 500mm; Gối uốn, dụng cụ gia công mẫu,...	
45	Thử kéo bu lông, đai ốc, vít	TCVN 197:2014; TCVN1916:1995; JIS B1186	Máy thử kéo – nén 1000KN; Ngàm kẹp kéo; Dụng cụ đo vạch gián dài; Cân kỹ thuật ; Thước thép 500mm; dụng cụ gia công mẫu,...	
46	Thử kéo thép cốt bê tông mối nối bằng ống ren	TCVN 13711- 2:2023; TCVN 197- 1:2014;	Máy thử kéo – nén 1000KN; Ngàm kẹp kéo; Dụng cụ đo vạch gián dài; Cân kỹ thuật; Thước thép 500mm; dụng cụ gia công mẫu,...	
47	Ống kim loại - Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008	Máy thử kéo – nén 1000KN; Ngàm kẹp kéo, uốn; Thước thép 500mm; dụng cụ gia công mẫu,...	
48	Thép tấm, thép hình: Thử kéo, thử uốn	ASTM A370; AASHTO T68-09; JIS Z2241; JIS Z2248; TCVN 7571:2019	Máy thử kéo – nén 1000KN; Ngàm kẹp kéo, uốn; Thước thép 500mm; dụng cụ gia công mẫu,...	
VI	Bê tông nhựa			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự
49	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; AASHTO T245, D6927	Máy thử độ bền nén Marshall (0-50)kN; Gia tải 50.8mm/min (vòng lực, đồng hồ đo biến dạng 20mm) Khuôn đúc mẫu; Búa đầm; Bộ đầm; Bể ổn nhiệt duy trì 60oC; Cân điện tử sai số 0,01g; Thước kẹp điện tử dài 200mm (0.01mm); Nhiệt kế điện tử,...	Đoàn Chiến Thắng, Nguyễn Đình Thành, Hà Văn Xuyên, Nguyễn Minh Tiến
50	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T172, T164A; ASTM D2172; EN 12697-1	Máy quay ly tâm; Giấy lọc; Tủ sấy; Bếp điện; Lò nung; Khay đựng mẫu; Cân kỹ thuật ; Ống đong; Cốc nung; Bình hút ẩm và các dụng cụ phụ trợ,...	
51	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; ASTM C136	Bộ sàng (37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075) tủ sấy; Cân kỹ thuật; Cọ quét,...	
52	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041; AASHTO T209; EN 12697-5	Bình đựng mẫu; Cân kỹ thuật; máy hút chân không; Bình lọc hơi nước; Áp kế; chân không kế không; nhiệt kế thủy tinh; Tủ sấy; khay sấy mẫu; Giẻ lau,...	
53	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726; AASHTO T166; T209, T275	Cân kỹ thuật; Chậu đựng nước; Dây treo và cân giò đựng mẫu cân trong nước; Tủ sấy; Nhiệt kế thủy tinh; Parapin	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự
54	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy; Rọ đựng mẫu; Đĩa kim loại; Cân điện tử sai số 0,01g; Bay chảo trộn mẫu,...	
55	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011; AASHTO T304; T326	Ống đong 100ml; phễu; giá đỡ; tấm kính; khay; dao gạt bằng thép; Cân kỹ thuật 15kg	
56	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan bê tông nhựa; Cân kỹ thuật; Giẻ lau; Khăn giấy; Thùng đựng nước ngâm mẫu; Gỏ cân trong trước; Dây treo.	
57	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Cân kỹ thuật; Chậu đựng nước; Dây treo và cân giỏ đựng mẫu cân trong nước; Tủ sấy; Nhiệt kế thủy tinh,...	
58	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Cân kỹ thuật; Chậu đựng nước; Dây treo và cân giỏ đựng mẫu cân trong nước; Tủ sấy; Nhiệt kế thủy tinh,...	
59	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Cân kỹ thuật; Chậu đựng nước; Dây treo và cân giỏ đựng mẫu cân trong nước; Tủ sấy; Nhiệt kế thủy tinh,...	
60	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy thử độ bền nén Marshall (0-50)kN; Khuôn đúc mẫu; Búa đầm; Bộ đầm; Bể ổn nhiệt duy trì 60oC trong 24h; Cân kỹ thuật;	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự
			Thước kẹp điện tử dài 200mm (0.01mm); Nhiệt kế điện tử,...	
61	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, độ ẩm, KL riêng, hệ số thích nước	TCVN 8735:2012; TCVN 12884-1:2020; TCVN 12884-2:2020; ASTM D5329:2016	Cân kỹ thuật; Lò nung; Tủ sấy; Chậu đựng nước; Dây treo và cân giỏ đựng mẫu cân trong nước; Parafin; chày bít cao su, cọ quét, bình hút ẩm, hộp nhôm có nắp, dạp trộn, dụng cụ Casagrande,...	
VII	Nhựa bitum, nhựa đường lỏng, nhũ tương axit			
62	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASHTO T49	Máy đo độ kim lún; Kim xuyên; Cốc đựng mẫu; Bể ổn nhiệt; bình chuyên tiếp; Đồng hồ đo thời gian; Nhiệt kế thủy tinh,...	
63	Phương pháp xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D113; AASHTO T301	Máy kéo dài; Khuôn tạo mẫu bằng đồng; Nhiệt kế; Bể ổn nhiệt; Đèn cồn hay bếp dầu hỏa; Dao cắt nhựa,...	Đoàn Chiến Thắng, Nguyễn Đình Thành, Hà Văn Xuyên, Nguyễn Minh Tiến
64	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:2005; AASHTO T53	Thiết bị hóa mềm; khuôn tròn; Bi tròn; Vòng; Tấm lót; Vòng dẫn hướng; Bình thủy tinh; Khung treo; Nhiệt kế; Nước cất,...	
65	Phương pháp xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005; ASTM D92; AASHTO T48	Thiết bị cốc hồ Cleveland; Nhiệt kế đo nhiệt độ; môi lửa,...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự
66	Nhựa đường lỏng - Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011	Thiết bị cốc hồ Cleveland; Nhiệt kế đo nhiệt độ; môi lửa,...	
67	Phương pháp xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; ASTM D1754	Cân điện tử sai số 0,01g; Bát sắt; Lò nung; Bình hút ẩm; Tủ sấy; Nhiệt kế điện tử; Cốc mẫu,...	
68	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005; ASTM D70; AASHTO T228	Bình tỷ trọng kế; Cân điện tử sai số 0,01g; Tủ sấy; Nhiệt kế; Bể ổn nhiệt; Chậu; Nước cất; Nước đá,...	
69	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005	Dây buộc; Nhựa đường; Bình thủy tinh; bếp đun; Nhiệt kế; Cân điện tử sai số 0,01g,...	
70	Xác định độ đàn hồi của nhựa đường Polime	TCVN 11194:2017; AASHTO T301	Máy kéo dài; Khuôn tạo mẫu bằng đồng; Nhiệt kế; Bể ổn nhiệt; Đèn cồn hay bếp dầu hỏa; Dao cắt nhựa,...	
71	Độ ổn định lưu trữ của nhựa đường Polime	TCVN 11195:2017	Tủ sấy, dao cắt, nhiệt kế, cân có độ chính xác 0,1g,...	
VIII	Thử nghiệm hiện trường			
72	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020	Dao đai tròn bằng thép dung tích > 100cm ³ ; Cân kỹ thuật 15kg; Dao gạt đất; Hộp nhôm; Bếp ga; Cồn; Búa đóng 1;5kg; Bay; Cọ quét,...	Đoàn Chiến Thắng, Nguyễn Đình Thành, Hà Văn Xuyên, Nguyễn Minh Tiên
73	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012, AASHTO T191	Phễu rót cát; cát chuẩn; Cân kỹ thuật; Bếp ga sấy ẩm; Sàng (2;	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự
			0;15mm); Sàng 19mm,...	
74	Phương pháp xác định độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012	Phễu rót cát; cát chuẩn; Cân kỹ thuật; Bếp ga sấy ẩm ; Sàng (2; 0;15mm); Sàng 19mm,...	
75	Xác định khối lượng thể tích của đất và vật liệu đá tại chỗ bằng phương pháp thay nước trong hồ thử	ASTM D5030-21	Dao đai tròn bằng thép; Cân kỹ thuật; Cuốc thuổng; Xẻng; Cờn; Chổi quét; Xô bì ni long,...	
76	Xác định độ chặt của đất và đá tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	ASTM D4914	Phễu rót cát lớn; cát chuẩn; Cân kỹ thuật; Bếp ga sấy ẩm ; Sàng (2; 0;15mm); Sàng 19mm,...	
77	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D4695; AASHTO T256	Cần benkelman tỷ lệ ½ phạm vi đo (0-10mm); Tấm ép; Tấm đế ; Kịch 300kN; Đồng hồ áp 1000kg/cm ² vạch chia 20kg/cm ² ; Đồng hồ so 50mm(0.01mm).	
78	Xác định mô đun đàn hồi chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2025; ASTM D4695; AASHTO T256	Cần benkelman tỷ lệ ½ phạm vi đo (0-10mm); Tấm đế ; Kịch thủy lực; Đồng hồ áp; Đồng hồ so 50mm(0.01mm); Nhiệt kế điện tử; Gậy kẻ ô ly; Mỡ bò; Búa đục.	
79	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965	Dụng cụ thí nghiệm rắc cát; Cát chuẩn; Cọ quét; Thước lá kim loại 300mm (1mm),...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự
80	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m - Phạm vi đo (0- 100)mm; d= 1mm; Nêm đo khe hở mức chia 3;5;7;10;15;20mm; cọ quét,...	
81	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D1194; AASHTO T235	Tấm ép diện tích 2500 cm ² ; Đồng hồ so; kích 50mm, kích 300kN + tay kích đồng hồ áp điện tử. Xe chất tải,...	
82	Xác định cường độ bê tông bằng phương pháp khoan lấy mẫu từ kết cấu	TCVN 12252:2020; ASTM C42	Máy khoan lõi bê tông, máy nén bê tông, bột capping, thước kẹp ...	
83	Phân loại đất	TCVN 14183:2024; AASHTO M145-91		
IX	Thí nghiệm bentonite			
84	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020; ASTM D4380-20	Cân tỷ trọng có độ chính xác 0;01 g/cm ³ ; hộp cân; quả cân; thang chia độ; bầu chứa Bentonite; Nắp đáy,...	
85	Xác định độ nhớt phễu Marsh	TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020; ASTM D6910-19	Phễu 500/700cm ³ ; Đồng hồ bấm giây,...	Đoàn Chiến Thắng, Nguyễn Đình Thành, Hà Văn Xuyên, Nguyễn Minh Tiến
86	Xác định hàm lượng cát	TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020; ASTM D4381-22	Thiết bị xác định hàm lượng cát; Sàng có kích thước mắt lưới 75 μm; đường kính 50 mm,...	
87	Xác định độ pH	TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020; ASTM D4972-19; ASTM D1293-18	Giấy quỳ thử pH hoặc máy xác định độ pH,...	
XIII	Thử nghiệm vữa xây dựng			
88	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022; ASTM C144; AASHTO M45; EN 1015	Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Bộ sàng 10mm; 5mm; 2;5mm; 1;25mm;	Đoàn Chiến Thắng, Nguyễn Đình Thành, Hà Văn Xuyên,

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự
			0;63mm; 0;315mm; 0;14mm và sàng 0;08mm,...	Nguyễn Minh Tiến
89	Xác định lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437; EN 1015	Bàn giã thử độ lưu động hỗn hợp vữa; Chày đầm bằng thép; Chảo sắt; Xèng con; Bay; Khuôn hình côn đường kính đáy lớn 100mm; Đáy nhỏ 75mm; Cao 60mm; Dày 2mm.g,...	
90	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022; ASTM C939;	Bàn giã thử độ lưu động hỗn hợp vữa; Máy hút chân không; Phễu giấy lọc; Đồng hồ bấm giây,...	
91	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022; ASTM C807, C953; EN 1015	Khâu đựng vữa hình côn đường kính tối thiểu 75mm; Cao 50-100mm; Kim xuyên đk 5mm; Chiều dài 65mm; Cân kỹ thuật 15kg/0.1g; Đồng hồ bấm giây,...	
92	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022; EN 1015	Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Thước kẹp điện tử 200mm (0.01mm),...	
93	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã Đóng rắn	TCVN 3121-11:2022; TCVN 11971:2018; ASTM C579, C942; EN 1015; AASHTO T106	Máy nén; Cân kỹ thuật; Gá thử nén; Gói thử độ bền uốn,...	
94	Vữa chèn cấp dự ứng lực - Xác định lượng vón cục trên sàng	TCVN 11971:2018	Ống đồng, sàng 2mm,...	



TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự
95	Vữa chèn cáp dự ứng lực - Xác định độ chảy	TCVN 11971:2018	Côn, đồng hồ bấm giây, nhiệt kế,...	
96	Vữa chèn cáp dự ứng lực - Xác định độ tách nước và thay đổi thể tích theo phương pháp ống đứng	TCVN 11971:2018	Ống hình trụ, thước đo chiều dài, nhiệt kế,...	
97	Vữa chèn cáp dự ứng lực - Xác định thời gian đông kết	TCVN 11971:2018	Tương tự thiết bị thí nghiệm với vữa xi măng	
98	Vữa chèn cáp dự ứng lực - Xác định cường độ nén	TCVN 11971:2018	Tương tự thiết bị thí nghiệm với vữa xi măng	

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Đại Phong chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
XÂY DỰNG ĐẠI PHONG**



P.TGD Dương Quốc Thành